



THIẾT KẾ WEB





Bài 1:

- Giới thiệu CSS
- Các dạng CSS và ứng dụng
- Các thành phần của CSS



A. Giới thiệu CSS

CSS là gì?

CSS là chữ viết tắt của cụm từ tiếng Anh (Cascading Style Sheet), CSS được tổ chức World Wide Web (W3C) giới thiệu vào năm 1996.

CSS chỉ đơn thuần là một đoạn code tích hợp bên trong trang web hoặc các file có phần mở rộng là .CSS, trong các file này chứa những câu lệnh CSS, mỗi câu lệnh CSS sẽ định dạng một thành phần nhất định của tài liệu HTML như màu sắc, font chữ, bảng, hình ảnh, ...



A. Giới thiệu CSS

Thế mạnh của CSS

- Tách riêng phần định dạng ra khỏi nội dung trang web.
- CSS giúp người thiết kế kiểm soát toàn bộ giao diện nhanh nhất và hiệu quả nhất, tiết kiệm công sức rất nhiều trong việc thiết kế giao diện.
- Do được tách rời khỏi nội dung của trang web, nên các mã HTML sẽ gọn gàng hơn, thuận tiện hơn trong việc chỉnh sửa giao diện. Hơn thế nữa trình duyệt web chỉ tải một lần, do đó giúp trang web được load nhanh hơn.



B. Các dạng CSS và ứng dụng

Các dạng CSS

Chúng ta có 3 dạng CSS được sử dụng để định dạng cho các thành phần trong tài liệu HTML:

- CSS cục bộ (Inline CSS)
- CSS nội tuyến (Internal/Embedded CSS)
- CSS ngoại tuyến (External CSS)



B. Các dạng CSS và ứng dụng

Khai báo CSS

- CSS cục bộ (Inline CSS)

Mã lệnh CSS được viết trực tiếp trong thuộc tính **style** của thẻ HTML.

CSS chỉ tác động trên thẻ HTML được khai báo.

Ví dụ:

```
<p style="font-size: 16pt; color: blue;">Đoạn  
văn bản sẽ bị ảnh hưởng khi khai báo Inline  
CSS.</p>
```



B. Các dạng CSS và ứng dụng

Khai báo CSS

- CSS nội tuyến (Internal/Embedded CSS)

Mã CSS được khai báo trong cặp thẻ `<style></style>` và đặt trong phần `<head></head>` của tài liệu HTML.

Ví dụ:

```
<style>
```

```
h1,h2,h3 {font-size: 14px;}
```

```
p {color: blue;}
```

```
<style>
```



B. Các dạng CSS và ứng dụng

Khai báo CSS

- CSS ngoại tuyến (External CSS)

Đây là cách khai báo CSS được sử dụng nhiều nhất trong thực tế.

Tận dụng được hết thế mạnh mà CSS mang lại.

Tách biệt hoàn toàn CSS ra khỏi tài liệu HTML bằng các file .css.

Có phạm vi ảnh hưởng toàn bộ đến toàn bộ website chứ không chỉ một file .html riêng biệt.



B. Các dạng CSS và ứng dụng

Để khai báo css ngoại tuyến, ta chỉ cần tạo một file ***.css** (chẳng hạn như style.css), sau đó chèn đoạn code khai báo trong phần `<head></head>` của trang web.

Ví dụ:

```
<link href="style.css" rel="stylesheet"
type="text/css" media="screen" />
```



B. Các dạng CSS và ứng dụng

Thứ tự ưu tiên trong CSS

Khi trong thiết kế sử dụng không chỉ 1, mà 2 hay thậm chí là 3 kiểu khai báo CSS đã nói trên, lúc đó thứ tự ưu tiên của CSS được thể hiện như sau:

**CSS cục bộ » CSS nội tuyến » CSS ngoại tuyến
» CSS mặc định của trình duyệt.**

Ví dụ:

CSS cục bộ

```
<p style="color: red">...</p>
```

CSS nội tuyến

```
p{ color: green }
```



B. Các dạng CSS và ứng dụng

CSS ngoại tuyến

```
p{ color: black }
```

Lúc này đoạn văn bản được hiện thị với **màu đỏ**. Bởi vì ta thấy thành phần `<p>` được khai báo CSS cục bộ nên sẽ được ưu tiên hơn CSS nội tuyến và CSS ngoại tuyến.

Tương tự như thế, nếu ta không khai báo CSS cục bộ thì đoạn văn bản sẽ được hiện thị là **màu xanh**. Bởi vì CSS nội tuyến được ưu tiên hơn, tiếp theo nếu CSS nội tuyến không được khai báo thì CSS ngoại tuyến mới có tác dụng.



C. Các thành phần của CSS

Mỗi câu lệnh CSS sẽ định dạng một thành phần nhất định trong tài liệu HTML, thành phần HTML được định dạng được gọi là đối tượng của CSS (CSS selector).

Ví dụ:

Giả sử ta muốn định dạng tất cả các thành phần `<h1>` có màu đen, cỡ chữ 14px; font Arial thì ta sẽ viết CSS như sau:

```
h1 {color: #000; font-size: 14px; font-family:
arial }
```



C. Các thành phần của CSS

Cú pháp một lệnh CSS được viết như sau:

Đối tượng { thuộc tính 1: giá trị 1; thuộc tính 2: giá trị 2; ... ; thuộc tính n: giá trị n }





C. Các thành phần của CSS

- Đối tượng: là các thành phần của tài liệu HTML (các thẻ).
- Thuộc tính: các thuộc tính định dạng của phần tử như màu sắc, font chữ, kích thước, ...
- Giá trị: giá trị của các thuộc tính trên.



C. Các thành phần của CSS

Class và ID trong CSS

- ✓ Như chúng ta đã biết mỗi lệnh trong CSS sẽ định dạng cho một hoặc nhiều thành phần HTML nào đó trong trang web (các thẻ trong HTML). Nhưng có khi trong thiết kế chúng ta mong muốn một số thành phần nào đó sẽ có những định dạng khác (như khác về màu sắc, đường viền, size chữ ...)
- ✓ Class và ID được gắn thêm vào thẻ HTML giúp ta có thêm lựa chọn để giải quyết vấn đề trên, lúc này class và id trở thành các **CSS selector**.



C. Các thành phần của CSS

Class và ID trong CSS

✓ Sử dụng Class

Ví dụ:

```
<p>Đoạn văn bản hiển thị bình thường màu đen</p>
```

```
<p class="mauxanh">Đoạn văn bản hiển thị màu  
xanh</p>
```

```
<p class="mauvang">Đoạn văn bản hiển thị màu  
vàng</p>
```

Ta viết CSS như sau:

```
.mauxanh{ color: blue}
```

```
.mauvang{ color: yellow}
```

Sử dụng cú pháp `".tên_class"` để khai báo Class Selector



C. Các thành phần của CSS

Class và ID trong CSS

✓ Sử dụng Id

Ví dụ:

```
<p id="tieude">Tiêu đề hiển thị màu đỏ</p>
```

Ta viết CSS như sau:

```
#tieude{ color: red}
```

Sử dụng cú pháp "#tên_id" để khai báo Id Selector